

Số: /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí theo quy định tại Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế Ninh Thuận

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2456/QĐ-BYT ngày 19/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí theo Thông tư số 43/2024/TT-BYT ngày 28/6/2024 của Bộ Tài chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định 128/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bị bãi bỏ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 10/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 07/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung Lĩnh vực Y, Dược cổ truyền thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 3772/TTr-SYT ngày 27/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức thu phí các lĩnh vực: Khám bệnh, chữa bệnh, Trang thiết bị và công trình y tế; Y, Dược cổ truyền thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế theo quy định tại Thông tư số 43/2024/TT-BYT ngày 28/6/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất xuất kinh doanh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024 hết hiệu lực thi hành.

Từ ngày 01/01/2025, tiếp tục thực hiện mức thu các khoản phí theo quy định tại Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 29/01/2024, Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 10/4/2024 và Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 07/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế (b/c);
- CT, PCT Nguyễn Long Biên;
- Cục KSTTHC (VPCP) ;
- Công TTĐT tỉnh;
- TT. CNTT (Sở TT&TT);
- VPUB: LĐ, VXNV;
- Lưu: VT, PVHCC. CT

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Huyền

PHỤ LỤC

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỨC THU PHÍ THEO QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 43/2024/TT-BTC NGÀY 28/6/2024 CỦA BỘ TÀI CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên thủ tục hành chính	Mức phí từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024 (đồng/hồ sơ)	Mức phí từ ngày 01/01/2025 trở đi (đồng/hồ sơ)
I	LĨNH VỰC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH		
1	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	301.000	430.000
2	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	301.000	430.000
3	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	- Trường hợp (1) hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị mất hoặc hư hỏng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 131 Nghị định 96/2023/NĐ-CP; Trường hợp (12) giấy phép hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền quy định	- Trường hợp (1) hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị mất hoặc hư hỏng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 131 Nghị định 96/2023/NĐ-CP; Trường hợp (12) giấy phép hành nghề

TT	Tên thủ tục hành chính	Mức phí từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024 (đồng/hồ sơ)	Mức phí từ ngày 01/01/2025 trở đi (đồng/hồ sơ)
		<p>tại điểm d khoản 1 Điều 31 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; Trường hợp (15) người hành nghề đã được cấp chứng chỉ hành nghề trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 khi bị mất hoặc hư hỏng: 105.000</p>	<p>được cấp không đúng thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; Trường hợp (15) người hành nghề đã được cấp chứng chỉ hành nghề trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 khi bị mất hoặc hư hỏng: 150.000</p>
		- Các trường hợp còn lại: 301.000	- Các trường hợp còn lại: 430.000
		(Không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề)	(Không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề)
4	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	<p>- Bệnh viện: 7.350.000</p> <p>- Phòng khám đa khoa; Nhà hộ sinh; Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình: 3.990.000</p> <p>- Phòng khám y học cổ truyền; Phòng chẩn trị y học cổ truyền; Trạm Y tế: 2.170.000</p> <p>- Phòng khám chuyên khoa; Phòng khám liên chuyên khoa; Phòng khám bác sĩ y khoa; Phòng khám răng hàm mặt; Phòng khám dinh dưỡng; Phòng khám y sĩ đa khoa; Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng:</p>	<p>- Bệnh viện: 10.500.000</p> <p>- Phòng khám đa khoa; Nhà hộ sinh; Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình: 5.700.000</p> <p>- Phòng khám y học cổ truyền; Phòng chẩn trị y học cổ truyền; Trạm Y tế: 3.100.000</p> <p>- Phòng khám chuyên khoa; Phòng khám liên chuyên khoa; Phòng khám bác sĩ y khoa; Phòng khám răng hàm mặt; Phòng khám dinh dưỡng; Phòng khám y sĩ đa khoa; Cơ</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Mức phí từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024 (đồng/hồ sơ)	Mức phí từ ngày 01/01/2025 trở đi (đồng/hồ sơ)
		3.010.000 - Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 3.010.000	sở dịch vụ cận lâm sàng: 4.300.000 - Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000
5	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	1.050.000 (Không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan cấp)	1.500.000 (Không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan cấp)
6	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	<p>- Trường hợp thay đổi thời gian làm việc hoặc thay đổi tên, địa chỉ của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng không thay đổi địa điểm: 1.050.000</p> <p>- Trường hợp thay đổi quy mô hoạt động, phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung, giảm bớt danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:</p> <p>+ Bệnh viện, Phòng khám đa khoa; Nhà hộ sinh; Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình; Phòng khám chuyên khoa; Phòng khám liên chuyên khoa; Phòng khám bác sĩ y khoa; Phòng khám răng hàm mặt; Phòng khám dinh dưỡng; Phòng khám y sĩ đa khoa; Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 3.010.000</p>	<p>- Trường hợp thay đổi thời gian làm việc hoặc thay đổi tên, địa chỉ của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng không thay đổi địa điểm: 1.500.000</p> <p>- Trường hợp thay đổi quy mô hoạt động, phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung, giảm bớt danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:</p> <p>+ Bệnh viện, Phòng khám đa khoa; Nhà hộ sinh; Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình; Phòng khám chuyên khoa; Phòng khám liên chuyên khoa; Phòng khám bác sĩ y khoa; Phòng khám răng hàm mặt; Phòng khám dinh dưỡng; Phòng khám y sĩ đa khoa; Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng:</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Mức phí từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024 (đồng/hồ sơ)	Mức phí từ ngày 01/01/2025 trở đi (đồng/hồ sơ)
			4.300.000
		+ Phòng khám y học cổ truyền; Phòng chẩn trị y học cổ truyền; Trạm Y tế: 2.170.000	+ Phòng khám y học cổ truyền; Phòng chẩn trị y học cổ truyền; Trạm Y tế: 3.100.000
		+ Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 3.010.000	+ Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000
7	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	301.000	430.000
8	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	- Trường hợp (1) giấy phép hành nghề bị mất hoặc hư hỏng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP; Trường hợp (8) giấy phép hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh: 105.000 - Các trường hợp còn lại: 301.000 (Không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề)	- Trường hợp (1) giấy phép hành nghề bị mất hoặc hư hỏng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP; Trường hợp (8) giấy phép hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh: 150.000 - Các trường hợp còn lại: 430.000 (Không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề)
II	LĨNH VỰC TRANG THIẾT BỊ VÀ CÔNG TRÌNH Y TẾ		
9	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B	Loại A: 700.000 Loại B: 2.100.000	Loại A: 1.000.000 Loại B: 3.000.000

TT	Tên thủ tục hành chính	Mức phí từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024 (đồng/hồ sơ)	Mức phí từ ngày 01/01/2025 trở đi (đồng/hồ sơ)
10	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	2.100.000	3.000.000
11	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	2.100.000	3.000.000
III	LĨNH VỰC Y DƯỢC CỔ TRUYỀN		
12	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	1.750.000	2.500.000
13	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	1.750.000	2.500.000
14	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 4, 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	1.750.000	2.500.000